

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2024/HC-PT

Ngày 15 - 8 - 2024

*“V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết
định giải quyết khiếu nại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 265/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2024 về *“Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại”*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8333/QĐ-PT ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1973, có mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh P, Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị H, chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND huyện H, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND huyện H:

- Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất Huyện H, có mặt;

- Ông Hà Huy H1, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, có mặt.

- Ông Hà Việt T1, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, vắng mặt.

- Ông Đỗ Văn H2, viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Triệu Thị V, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Bà Hoàng Thị T2, có mặt;

2. Anh Triệu Văn T3, có mặt;

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

** Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị M, có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1803/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị M để thực hiện dự án: Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (sau đây gọi tắt là Quyết định 1803). Theo quyết định, gia đình bà M bị thu hồi tổng số 2.554,7m² đất. Trong đó thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 75m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 25, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 4,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 30, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 2.475,6m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Cùng ngày, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1812/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1812) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2). Theo quyết định, gia đình bà M được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 970.339.000 đồng, bao gồm bồi thường về đất, bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông T4, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp và hỗ trợ 01 vụ màu. Về tái định cư: Hộ gia đình bà không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư.

Ngày 24/8/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 3493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị M để thực hiện dự án: Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (sau đây gọi tắt là Quyết định 3493). Theo đó, gia đình bà M bị thu hồi tổng số 3.916,5m² đất. Trong đó thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 362,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 25, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 1.183,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 30, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 2.370,7m², loại đất

trồng cây lâu năm (CLN). Cùng ngày, UBND huyện H ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 3497) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 6). Theo quyết định, gia đình bà M được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.496.005.000 đồng, bao gồm bồi thường về đất, bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp, hỗ trợ 01 vụ lúa và hỗ trợ di chuyển tài sản. Về tái định cư: Hộ gia đình bà không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ; ngày 06/9/2023 bà Hoàng Thị M có đơn khiếu nại Quyết định 1812, Quyết định 3493 và Quyết định 3497. Ngày 28/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5730/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 5730) giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị M, với nội dung bác khiếu nại của bà Hoàng Thị M vì không có cơ sở xem xét.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại, bà Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu: Sửa một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 6); sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2); hủy Quyết định số 5730/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị M, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu). Yêu cầu UBND huyện H cấp tái định cư cho gia đình bà theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, phía người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất được bố mẹ chồng chia cho từ khoảng những năm 2000, khi đó trên đất đã có lán trại để ở. Đến năm 2005, vợ chồng bà xây dựng căn nhà cấp 4 và bếp, khi đó gia đình bà được UBND xã H hỗ trợ 6.000.000 đồng để xây dựng nhà do gia đình thuộc hộ nghèo của xã. Đến năm 2019 gia đình bà đã xây mới 01 căn nhà khác sát cạnh ngôi nhà cũ, vị trí xây dựng nằm ngay trên vị trí sân và bếp đã được xây từ năm 2005.

Việc UBND huyện H thu hồi diện tích 75m² đất tại thửa số 24 mảnh trích đo số TĐ-32 mà không bồi thường cho gia đình bà là không đúng quy định. Diện tích đất bị thu hồi đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất theo quy định, do đó gia đình phải được bồi thường về đất ở với giá 42.000 đồng/m².

Việc gia đình xây nhà trên diện tích 75m² đất tại thửa số 24 mảnh trích đo số TĐ-32 là chính đáng, phù hợp với quy định. Đề nghị xem xét bồi thường giá trị nhà trên đất với hệ số 100% với số tiền 371.267.466 đồng. Gia đình bà không còn chỗ ở nào khác nhưng không được hỗ trợ tiền thuê nhà ở là 5.000.000 đồng là không đúng quy định. Gia đình bà bị thu hồi hết diện tích đất có nhà ở nhưng

không cấp tái định cư cho gia đình bà. UBND huyện tính tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ không đúng quy định.

Người bị kiện là UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L; trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Ngày 15/5/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1803/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị M, diện tích đất thu hồi là 2.554,7m² đất. Trong đó thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 75m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 25, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 4,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 30, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 2.475,6m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); đồng thời ban hành Quyết định 1812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong đó có hộ bà Hoàng Thị M. Theo đó, gia đình bà Hoàng Thị M được bồi thường tổng số tiền 970.339.000 đồng, bao gồm bồi thường về đất, bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp và hỗ trợ 01 vụ màu.

Ngày 24/8/2023, UBND huyện H tiếp tục ban hành Quyết định số 3493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị M, diện tích đất thu hồi là 3.916,5m² đất. Trong đó thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 362,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 25, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 1.183,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 30, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 2.370,7m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); đồng thời ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong đó có hộ bà Hoàng Thị M. Theo đó, gia đình bà Hoàng Thị M được bồi thường tổng số tiền 1.496.005.000 đồng, bao gồm bồi thường về đất, bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ cây keo chủ, hỗ trợ khác đối với diện tích đất có nguồn gốc là đất của Nông trường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ công trình sai phạm xây dựng trên đất nông nghiệp, hỗ trợ 01 vụ lúa và hỗ trợ di chuyển tài sản.

Về tái định cư: Hộ gia đình bà không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở.

Do không đồng ý với Quyết định 1812, Quyết định 3493 và Quyết định 3497, bà Hoàng Thị M có đơn khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường về đất ở đối với thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32; giá hỗ trợ di chuyển cây keo hom trong bầu thấp, đề nghị hỗ trợ theo giá thị trường; việc áp giá hỗ trợ đối với cây keo chủ trên thửa số 30 mảnh trích đo TĐ-32 diện tích 2.475,6m² chưa đảm bảo, đề nghị được bồi thường số lượng cây với mật độ là 20 cây/m² với giá bồi thường theo quy định; xem xét giao tái định cư cho gia đình bà.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị M, UBND huyện H đã xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị M và xác định thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, tổng diện tích 437m² (giai đoạn 1 thu hồi 75m², giai đoạn 2 thu hồi 362m²), theo tờ bản đồ địa chính số 49 xã H vẽ năm 1996 thuộc một phần thửa đất số 69, diện tích 5.342m², ký hiệu trên bản đồ là Vđ; sổ mục kê thể hiện tên chủ sử dụng đất là Triệu Văn N (bố chồng bà Hoàng Thị M), loại đất ĐRM/n, có Giấy chứng nhận giao khoán quyền sử dụng đất số 69/TKI GKQSDĐ/TTHL ngày 13/7/2001 của Nông trường Hữu Lũng giao cho ông Triệu Văn M1 (chồng bà Hoàng Thị M) quản lý, sử dụng, thời hạn giao khoán là 50 năm. Đối chiếu theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 5/12/2007 về việc thu hồi đất Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý (gọi tắt là Quyết định số 2278/QĐ-UBND) theo quy hoạch là đất trồng cây lâu năm (CLN); hiện trạng trên thửa đất số 24 có nhà ở xây dựng năm 2005, bếp, tường xây cay, bể xây cay, chuồng gà, giếng khoan, nền lát gạch đỏ, mái lợp tôn và một số vật kiến trúc khác. Xác định loại đất bồi thường, hỗ trợ là đất trồng cây lâu năm đối với phần diện tích 362m² là đảm bảo đúng quy định.

Đối với phần diện tích thu hồi 75m², gia đình bà Hoàng Thị M không sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (xây dựng công trình nhà ở) nên không hỗ trợ về đất là đảm bảo theo quy định tại Thông báo số 687/TB-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh L về thông báo kết luận của đồng chí Lương Trọng Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề đánh giá tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm và xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn các huyện, thành phố (gọi tắt là Thông báo số 687/TB-UBND).

Về tái định cư: Hộ bà Hoàng Thị M không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư. Tuy nhiên, do hộ bà Hoàng Thị M thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, gia đình bà có nguồn thu nhập không ổn định, việc tạo lập chỗ ở mới là rất khó khăn nên UBND huyện đã báo cáo UBND tỉnh, tại Công văn số 1886/UBND-KT ngày 28/12/2023 UBND tỉnh L đồng ý áp dụng biện pháp hỗ trợ khác bằng việc giao cho hộ bà Hoàng Thị M 01 ô đất ở với giá thu tiền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND với hệ số K = 1,5.

Đối với việc hỗ trợ di chuyển cây keo hom trong bầu: Việc tính toán bồi thường cây keo hom giống đảm bảo theo quy định tại mục V.3.4 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh L.

Đối với việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây keo chủ trên thửa đất số 30 và bồi thường công trình nhà ở trên thửa đất số 24 với diện tích khoảng 100m²: UBND huyện H đã tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Hoàng Thị M đảm bảo tuân thủ theo đúng Thông báo số 687/TB-UBND.

Vì vậy, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H xác định việc ban hành Quyết định 1812, Quyết định 3493, Quyết định 3497 và Quyết định 5730 đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung các quyết định có căn cứ, phù hợp quy định của Luật Đất đai năm 2013 và quy định của Luật Khiếu nại. Do đó, yêu

cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về yêu cầu:

- Sửa một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 6);

- Sửa một phần Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H (đợt 2);

- Hủy Quyết định số 5730/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị M, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2024 người khởi kiện là bà Hoàng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết không đúng quy định của pháp luật, đất của gia đình bà là đất được giao khoán sử dụng từ năm 1994 đến năm 2001 được cấp GCNQSD đất giao khoán và sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp, năm 2005 được U 6.000.000 đồng để làm nhà ở tại chỗ, nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà M trình bày:

Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M là không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, thửa đất số 24 mảnh trích đo địa chính số TĐ-32 của gia đình bà M có nguồn gốc một phần trong diện tích 5.342m² đất Nông trường H giao khoán cho ông Triệu Văn M1 (là chồng bà M) sử dụng từ năm 1994; do hoàn cảnh gia đình bà M khó khăn, không có chỗ ở nên năm 2005 chính quyền địa phương đã hỗ trợ 6.000.000 đồng để xây dựng nhà ở tại thửa đất này, nên bà M đã xây dựng nhà trên đất; quá trình xây dựng không bị cơ quan Nhà nước nào xử phạt, hoặc yêu cầu tạm dừng việc xây dựng. Diện tích đất của hộ gia đình bà M bị thu hồi được xác định là đất trồng cây lâu năm nhưng

lại không bồi thường giá trị đất, không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, không hỗ trợ khác để ổn định đời sống sản xuất là trái với quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013.

Bồi thường, hỗ trợ về cây keo không đúng quy định; căn cứ Thông báo số 65/TB-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh L thì mật độ quy định là 55.000 cây/ha (tương đương 5.5 cây/1m²), do vậy: Đối với Quyết định số 1812/QĐ-UBND, số lượng cây phải được bồi thường, hỗ trợ 50% là 13.616 cây và được hỗ trợ 10% là 3.952 cây. Số tiền phải được bồi thường là 205.291.200 đồng nhưng bà M chỉ được bồi thường 166.289.113 đồng là không đúng. Đối với Quyết định số 3497/QĐ-UBND, số lượng cây phải được bồi thường, hỗ trợ 50% là 13.039 cây và được hỗ trợ 10% là 6.520 cây. Số tiền phải được bồi thường là 204.387.750 đồng nhưng bà M chỉ được bồi thường 79.842.750 đồng là không đúng.

Do gia đình bà M không có chỗ ở nào khác nhưng lại không được hỗ trợ tiền thuê nhà cũng như không được bố trí đất tái định cư cho gia đình bà M là trái quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 5730 về giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H không chấp nhận khiếu nại của bà M là thiếu căn cứ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phía người bị kiện trình bày: Đối với diện tích 75m² không được bồi thường về đất vì là đất giao khoán của Nông trường H, do gia đình bà M là hộ nghèo nên thực hiện chính sách xóa nhà tranh tre UBND xã có hỗ trợ cho gia đình bà số tiền 6.000.000 đồng, nhưng việc hỗ trợ là để làm nhà, còn làm ở đâu thì gia đình phải chịu trách nhiệm theo đúng quy định về đất ở, diện tích đất này là đất sản xuất nông nghiệp nên không được bồi thường, nhưng tại thời điểm thu hồi không sản xuất nông nghiệp nên không được hỗ trợ. Đối với việc cấp đất tái định cư, do đất gia đình bà M bị thu hồi là đất giao khoán không phải đất ở, nên không đủ điều kiện để bố trí tái định cư; nhưng theo quy định tại Nghị định 47 do gia đình bà M phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ giao đất, hoặc nhà ở tái định cư; UBND huyện H đã xin chủ trương của UBND tỉnh L và được đồng ý hỗ trợ giao cho gia đình bà M một lô đất có thu tiền sử dụng đất theo hệ số K = 1,5, hiện đang triển khai thực hiện đã tổ chức niêm yết công khai phương án, chờ phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền là sẽ giao đất cho các hộ gia đình. Đối với việc hỗ trợ giá cây keo thì theo Thông báo số 65 mật độ quy định là 55.000 cây/ha được hỗ trợ bằng 50% đơn giá, nếu vượt quá thì được hỗ trợ bằng 10% đơn giá đối với số cây vượt quá; trên đất của bà M trồng nhiều loại cây, trong đó có cây ăn quả, nên sau khi tính toán giá trị các cây có giá trị từ cao đến thấp, nên đã vượt quá định mức quy định. Hộ bà M đã được hỗ trợ tiền di chuyển là 5.000.000 đồng, đối với việc hỗ trợ tiền thuê nhà do bà M không bị thu hồi đất ở nên không được hỗ trợ tiền thuê nhà.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Hoàng Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, xem xét các ý kiến tranh luận tại phiên tòa, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã giải quyết vụ án đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bà Hoàng Thị M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là các Quyết định 1812, Quyết định 3497 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp H và Quyết định 5730 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về giải quyết khiếu nại của Hoàng Thị M. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 28/11/2023 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định 5730, đến ngày 12/12/2023 bà M làm đơn khởi kiện là đang trong thời hạn 01 năm nên đang còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị M, thấy:*

[3] Về nguồn gốc đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32 của bà Hoàng Thị M: Theo bản đồ địa chính số 49 xã H được đo, vẽ năm 1996 thể hiện, thửa đất của bà Hoàng Thị M thuộc thửa số 69 có diện tích 5.342m², ký hiệu trên bản đồ Vđ; sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng là Triệu Văn T5 (là bố chồng bà Hoàng Thị M), loại đất ĐRM/n; thửa đất này có Giấy chứng nhận giao khoán quyền sử dụng đất số 69/TKIGKQSDĐ/TTHL, ngày 13/7/2001 của Nông trường H giao cho ông Triệu Văn M1 (là chồng bà M) quản lý, sử dụng với thời hạn là 50 năm. Tuy nhiên, ngày 05/12/2007 UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định số 2278/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường (đã giải thể) giao cho UBND huyện H quản lý theo quy hoạch đất trồng cây lâu năm (CLN). Do đó, xác định loại đất thu hồi, bồi thường là đất trồng cây lâu năm đối với diện tích 362m² là đúng quy định; đối với diện tích 75m² đất của bà M tại thời điểm thu hồi không sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, căn cứ các tài liệu như biên bản kiểm đếm, biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư xác định diện tích đất này bà M sử dụng để xây dựng công trình từ năm 2005, bà M không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai nên không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất, nên theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai không đủ điều kiện để bồi thường, hỗ trợ về đất là phù hợp.

[4] Về Hỗ trợ công trình trên thửa đất số 24, mảnh trích đo TĐ-32, thấy: Như đã phân tích ở trên, thì đất của bà Hoàng Thị M sử dụng để xây dựng công trình là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất để ở, bà M tự ý xây dựng công trình trên đất là sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép là xây dựng trái pháp luật, nên theo quy định không được bồi thường. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47, cũng như Điều 17 Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh L có quy định hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường công trình vật kiến trúc tại thời điểm phê duyệt đối với các công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 mà không bị cấp xã lập biên bản vi phạm; các công trình của bà M như: Nhà ở, bếp, tường xây, bể, chuồng gà, giếng khoan, nền lát gạch đỏ, mái lợp tôn và các vật kiến trúc được xác định là xây dựng năm 2005 được hỗ trợ bằng 50% đơn giá; đối với nhà xây dựng năm 2019 không được hỗ trợ là đúng quy định tại Nghị định 47 và Quyết định 07 của UBND tỉnh L, bà M yêu cầu hỗ trợ bằng 100% đơn giá là không có căn cứ.

[4] Về hỗ trợ tiền thuê nhà ở: Mặc dù trên đất bị thu hồi có tài sản là nhà của bà M, nhưng như đã phân tích ở trên thì hộ gia đình bà M bị thu hồi đất là đất nông nghiệp không phải là đất ở, việc bà M xây dựng công trình trên đất là trái pháp luật, nên khi thu hồi không được hỗ trợ tiền để thuê nhà ở là đúng quy định tại khoản 2 Điều 17 Quyết định số 07 của UBND tỉnh L và Nghị định 47 của Chính phủ.

[5] Về bồi thường hỗ trợ cây keo chủ và hỗ trợ việc di chuyển cây keo hom trong bầu, thấy: Theo biên bản thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản của bà Hoàng Thị M ngày 05/8/2023 và ngày 06/9/2023 thể hiện: Trên thửa đất số 30, mảnh trích đo TĐ-32 có 306.725 cây keo hom; theo phương án bồi thường hỗ trợ đã được UBND huyện H phê duyệt thì đơn giá 125 đồng/cây. Do cây keo giống

không có quy định về mật độ cây, nên được hỗ trợ, bồi thường theo số cây thực tế nhân với đơn giá theo quy định của UBND tỉnh L. Theo đó, gia đình bà M được bồi thường, hỗ trợ 38.340.625 đồng (306.725 cây x 125đ) là đúng với quy định tại mục V.3.4 Điều 5 quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND, ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh L. Đối với cây keo chủ gia đình bà M trồng trên đất bị thu hồi do chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận làm nguồn giống, nên không được áp dụng theo quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND, ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh L. Tuy nhiên, UBND huyện H đã xin chủ trương của UBND tỉnh L vận dụng để bồi thường, hỗ trợ cho người dân. Theo đó, được hỗ trợ theo số lượng cây kiểm đếm thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 50% mật độ cây trồng theo quy định (mật độ quy định là 55.000 cây/ha); mức hỗ trợ bằng 10% theo đơn giá của từng loại cây trồng, năm trồng quy định. Như vậy, UBND huyện H đã thực hiện theo quy định trong việc bồi thường, hỗ trợ đối với các loại cây keo, nên bà M cho rằng phải xem xét lại phương án bồi thường là không có căn cứ.

[6] Đối với việc giao đất tái định cư: Như đã phân tích ở trên, hộ gia đình bà M bị thu hồi đất nông nghiệp, không phải là đất ở, nên theo quy định của pháp luật không được bố trí tái định cư. Tuy nhiên, do hộ bà M thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định, nên để tạo điều kiện cho gia đình bà M, UBND huyện H đã xin chủ trương của UBND tỉnh L vận dụng để bố trí tái định cư cho gia đình bà M. Tại Công văn số 1886/UBND-KT, ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh L đã đồng ý áp dụng biện pháp hỗ trợ khác, bằng việc giao cho gia đình bà Hoàng Thị M 01 ô đất ở, với giá thu tiền sử dụng đất với hệ số $K = 1,5$ là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh L. Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện khẳng định, do việc giao đất phải có hạ tầng, đến nay hạ tầng đã được triển khai thực hiện và đã lập phương án để niêm yết công khai theo đúng quy định, sau khi hết thời hạn niêm yết được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ tiến hành giao đất cho các hộ dân, nên quyền lợi của gia đình bà M đã được bảo đảm.

[7] Từ phân tích trên thấy rằng, việc UBND huyện H đã bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Hoàng Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của gia đình bà M, nên các Quyết định 1812 và Quyết định 3497 của UBND huyện H đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[8] Đối với Quyết định số 5730: Do không đồng ý với việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nên bà M đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện H; sau khi nhận được đơn, Chủ tịch UBND huyện H đã thụ lý đơn, ban hành thông báo về việc thụ lý đơn khiếu nại; ban hành Quyết định số 3878/QĐ-UBND, ngày 27/9/2023 về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập tổ xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại; trên cơ sở kết quả xác minh,

đối thoại như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện H ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình bà M đúng quy định của pháp luật, khiếu nại của bà M không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định 5730 để giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà M. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị M là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bà M không xuất trình thêm chứng cứ gì mới làm căn cứ giải quyết vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của bà Hoàng Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại biên lai số 0006097 ngày 31/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THA dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm